TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NINH SƠN** **TỈNH NINH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2024/DS-ST
Ngày 30-9-2024
V/v *"Tranh chấp hợp đồng vay có cầm cố tài sản"* và *"Tranh chấp hợp đồng mượn tài sản"*.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NINH SƠN, TỈNH NINH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thái Thị Thùy Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Quảng Thị Đức Tâm.
2. Ông Nguyễn Kim Khánh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Minh Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Sơn – tỉnh Ninh Thuận *tham gia phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Tú Quỳnh – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 44/2024/TLST-DS ngày 14 tháng 3 năm 2024 về việc: *"Tranh chấp hợp đồng vay có cầm cố tài sản"* và *"Tranh chấp hợp đồng mượn tài sản"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2024/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 29/2024/QĐST-DS ngày 11 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công Ty Cổ phần S1 Có Ngay.

Địa chỉ trụ sở chính: Số A N, phường B, thành phố V, tỉnh Nghệ An.

Địa chỉ liên lạc: Số B L, khu phố I, phường P, thành phố P-T, tỉnh Ninh Thuận.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Kanokwatpaisal N – Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn S – T – Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

(Theo Giấy uỷ quyền số 243/2023/UQ-SVN ngày 11/10/2023 của Giám đốc công ty CP S1 TIỀN CÓ NGAY về việc uỷ quyền thực hiện hoạt động tố tụng).

- Bị đơn: Bà Dương Thị Mỹ H, sinh năm 1994 – Vắng mặt không lý do.

Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn - ông Nguyễn Văn S có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Tại đơn khởi kiện đề ngày 26-10-2023 và quá trình tham gia tố tụng ông trình bày:

Ngày 08/11/2020, giữa Công ty S1 – Chi nhánh P (Sau đây viết tắt là Công ty S1 và gọi tắt là Công ty) và bà Dương Thị Mỹ H có ký kết hợp đồng cầm cố số

PRM201101009NA19X, theo đó:

- Bà H đồng ý giao tài sản là xe máy (xe mô tô) Honda Vision, BKS 85F1-299.35 cho Công ty C, quản lý.

- Bà H được nhận số tiền vay khi cầm cố là 19.800.000 đồng.

- Thời hạn cầm cố là 12 tháng (360 ngày), kể từ ngày ký kết hợp đồng 08/11/2020 đến ngày 07/11/2021.

- Lãi suất cầm cố là 1.1%/tháng trên dư nợ thực tế, tính từ ngày ký hợp đồng và nhận tiền.

- Phí thẩm định tài sản là 3.5%/ tháng.

- Phí đăng ký và xóa giao dịch bảo đảm là 150.000 đồng/ lần và thu 01 lần.

- Thời hạn thanh toán tiền kỳ hàng tháng là 2.183.829,82 đồng hàng tháng từ tháng 12/2020 đến tháng 11/2021.

- Phí chậm trả tương đương 150% lãi suất quy định và phí quản lý hồ sơ nhưng không được quá 10 ngày kể từ ngày đến hạn.

- Mục đích cầm cố: Vay tiền phục vụ tiêu dùng cá nhân và kinh doanh.

Do không có phương tiện đi lại, bà H có mượn lại xe, thời hạn mượn là 30 ngày kể từ ngày 08/11/2020 đến 08/12/2020 nhưng hiện vẫn chưa giao trả lại xe cho Công ty.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bà H có thanh toán vào các ngày 10/12/2020, 11/01/2021, 18/2/2021, 22/3/2021, 25/4/2021, 26/5/2021, 14/6/2021 tổng số tiền là 15.480.000 đồng, gồm:

- Tiền gốc 10.239.695 đồng.

- Tiền lãi 1.206.919 đồng.

- Phí quản lý hồ sơ 548.599 đồng.

- Phí mượn xe 3.291.596 đồng.

- Phí quá hạn 193.191 đồng.

Tuy nhiên, từ sau ngày 14/6/2021 đến nay, bà H không thanh toán khoản tiền còn lại đúng hạn và cũng không trả lại xe máy cho Công ty. Công ty đã nhiều lần đến gặp trực tiếp bà H yêu cầu thực hiện các nghĩa vụ theo Hợp đồng cầm cố đã ký hoặc bàn giao tài sản cầm cố đã mượn lại của Công ty để đảm bảo cho khoản cầm cố với công ty nhưng bà H không hợp tác. Nay công ty S1 khởi kiện bà H và yêu cầu Tòa án buộc bà H phải có trách nhiệm thanh toán cho công ty:

- Số tiền tính từ ngày giải ngân đến ngày 30/9/2024 là 17.635.736 đồng bao gồm: Tiền gốc: 9.560.305 đồng (Điều 2 hợp đồng), tiền lãi trong hạn 1.1%/tháng: 324.941 đồng (Điều 4 mục 1 hợp đồng), phí thẩm định tài sản: 1.033.903 đồng, lãi vi phạm chuyển nợ quá hạn: 6.716.587 đồng (Điều 4 mục 7 hợp đồng).

- Từ ngày 01/10/2024, buộc bà H phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi và phí phát sinh của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

- Công ty có trách nhiệm trả lại Giấy đăng ký xe số 021135 của xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision, BKS 85F1-299.35 đứng tên Dương Thị Mỹ H cho bà H ngay sau khi bà thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ.

- Công ty xin rút lại yêu cầu giao trả lại chiếc xe máy theo "Giấy mượn xe" ngày 08/11/2020.

Quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn – bà Dương Thị Mỹ H vắng mặt:

Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà H nhưng bà vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa sơ thẩm:

1. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

2. Về việc chấp hành pháp luật tố tụng của đương sự:

Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án vắng mặt không có lý do, chưa thực hiện đúng nghĩa vụ tố tụng của mình tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ tài liệu chứng cứ nguyên đơn cung cấp, có đủ căn cứ để xem xét giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

3. Về việc giải quyết vụ án:

Xác định quan hệ pháp luật trong vụ án này là *"Tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản"*, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ninh Sơn theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 95, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 117, Điều 280, Điều 309, 310, 314,Điều 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần S1 Có Ngay:

- Buộc bà Dương Thị Mỹ H phải thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng cầm cố, giấy mượn xe đã ký với Công ty, buộc thanh toán các khoản, tạm tính đến ngày 30/9/2024, tổng số tiền là 17.635.736 đồng bao gồm các khoản như sau: Tiền gốc: 9.560.305 đồng, tiền lãi trong hạn 1.1%/tháng: 324.941 đồng, phí thẩm định tài sản: 1.033.903 đồng, lãi vi phạm chuyển nợ quá hạn: 6.716.587 đồng.
- Bà Dương Thị Mỹ H còn phải chịu khoản tiền lãi phát sinh tương ứng với thời gian chưa thi hành của số tiền còn phải thi hành án cho đến khi thực hiện trả hết nợ cho Công ty để Công ty xử lý thu hồi nợ.
- Về án phí: Bà Dương Thị Mỹ H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. H1 lại tiền tạm ứng án phí cho Công ty S1 Có Ngay.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] *Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp:*

Công Ty CP S1 Có Ngay khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết về hợp đồng vay có kèm theo cầm cố tài sản và mượn tài sản với bà Dương Thị Mỹ H. Bên vay là bà H không đăng ký kinh doanh, thương mại, thỏa thuận không phát sinh vì mục đích kinh doanh, thương mại giữa cá nhân, tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau và cũng không có mục đích lợi nhuận. Do đó, căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 30 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử sơ thẩm xác định

quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là: *"Tranh chấp hợp đồng vay có cầm cố tài sản"* và *"Tranh chấp hợp đồng mượn tài sản"*.

[1.2] *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:*

Bị đơn có địa chỉ cư trú tại thôn T, xã H, huyện N, tỉnh Ninh Thuận. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự: Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận.

[1.3] *Xử lý về sự vắng mặt của đương sự:*

Đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa sơ thẩm lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do và không có ý kiến trình bày, không có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử sơ thẩm tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] **Về nội dung tranh chấp**: *Xét yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận thấy:*

[2.1] *Về việc Công ty S1 yêu cầu bà H phải thanh toán tổng số tiền nợ gốc, lãi của khoản vay:*

Qua các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ thể hiện:

Ngày 08/11/2020, bà Dương Thị Mỹ H có ký kết Hợp đồng cầm cố số PRM 201101009 NA 19X với Công ty TNHH S2 – Chi nhánh P (nay là Công ty Cổ phần S1 Có Ngay) để cầm cố xe mô tô Honda Vision, BKS 85F1-299.35 và vay số tiền 19.800.000 đồng, thời hạn cầm cố là 12 tháng (360 ngày), kể từ ngày ký kết hợp đồng 08/11/2020 đến ngày 07/11/2021, lãi suất cầm cố là 1.1%/ tháng trên dư nợ thực tế, tính từ ngày ký hợp đồng và nhận tiền, lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn, thanh toán gốc, lãi, phí hàng tháng vào ngày 08 dương lịch. Bà H đã giao toàn bộ bản chính giấy tờ xe cho Công ty quản lý.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bà H có thanh toán vào các ngày 10/12/2020, 11/01/2021, 18/2/2021, 22/3/2021, 25/4/2021, 26/5/2021, 14/6/2021 tổng số tiền là 15.480.000 đồng, gồm:

- Tiền gốc 10.239.695 đồng.
- Tiền lãi 1.206.919 đồng.
- Phí quản lý hồ sơ 548.599 đồng.
- Phí mượn xe 3.291.596 đồng.
- Phí quá hạn 193.191 đồng.

Sau đó, bà H không tiếp tục thanh toán tiền cho Công ty, vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng, vi phạm nội dung thỏa thuận giữa các bên, bà H là người có lỗi nên phải chịu mọi hậu quả phát sinh từ hợp đồng.

Xét thấy: Công ty S1 cho bà H vay số tiền 19.800.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là: 1.1%/ tháng, phí trả chậm tương đương 150% lãi suất quy định. Các bên đã thỏa thuận với nhau về thời hạn thanh toán, mức lãi suất cho vay nên việc bà H không thanh toán tiền nợ gốc, lãi, phí đúng thời hạn đã thỏa thuận là vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Về thời gian, mức tính lãi suất mà Công ty yêu cầu là phù hợp với thỏa thuận các bên đã ký kết. Căn cứ vào khoản 6 Điều 29 của Nghị định 96/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định điều kiện về an ninh, trật tự đối với một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện quy định "*Tỷ lệ lãi*

suất cho vay tiền khi nhận cầm cố tài sản không vượt quá tỷ lệ lãi suất theo quy định của Bộ luật dân sự" và đối chiếu tại Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định "*Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác*." Việc thỏa thuận mức lãi suất, lãi suất quá hạn của nguyên đơn tại hợp đồng cầm cố phù hợp với quy định của pháp luật, phù hợp với quy định tại Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền gốc và lãi là có cơ sở nên được chấp nhận.

[2.3] Về việc mượn tài sản cầm cố:

Sau khi cầm cố xe cho công ty S1, do không có phương tiện đi lại nên bà H đã mượn lại xe mô tô trên. Theo Giấy mượn xe ngày 08/11/2020, thời hạn mượn xe là 30 ngày kể từ ngày 08/11/2020 đến 08/12/2020. Tại thỏa thuận ký kết đã ghi rõ trường hợp vi phạm hợp đồng cầm cố đã ký, bà H đồng ý cho công ty thu hồi xe bất cứ khi nào. Tuy nhiên, quá thời hạn nhưng bà H vẫn chưa giao trả xe cho Công ty là vi phạm nghĩa vụ, Công ty có quyền khởi kiện yêu cầu trả lại xe đã mượn là phù hợp.

Quá trình giải quyết vụ án và tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đồng ý trong trường hợp ngay sau khi bà H thực hiện xong nghĩa vụ trả tiền, Công ty sẽ giao trả lại cho bà H bản gốc Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô đã nhận và tự nguyện rút lại yêu cầu về xử lý tài sản cầm cố: Không yêu cầu bà H giao trả xe cho Công ty. Xét sự tự nguyện rút yêu cầu khởi kiện của đương sự phù hợp với quy định tại điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, vì vậy Hội đồng xét xử sơ thẩm đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này. Đương sự có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác khi có yêu cầu để Tòa án giải quyết, theo quy định tại khoản 1 Điều 218 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 021135, đứng tên Dương Thị Mỹ H, được cấp ngày 31/7/2019, nguyên đơn đồng ý khi bà H thanh toán hết số tiền nợ thì Công ty có trách nhiệm trả lại cho bà H là phù hợp nên Hội đồng xét xử sơ thẩm ghi nhận sự tự nguyện này.

[3] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà H nhưng bà không có văn bản trình bày ý kiến và cũng không phản đối những tình tiết, sự kiện cũng như những tài liệu, chứng cứ do Công ty S1 xuất trình nên có cơ sở khẳng định bà H đã từ bỏ quyền của mình được pháp luật quy định.

[4] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với những nhận định nêu trên nên được chấp nhận.

[5] Từ những phân tích trên và xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty S1:

Buộc bà Dương Thị Mỹ H phải có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty S1 số tiền 17.635.736 nợ gốc và lãi, cụ thể:

- Tiền gốc: 9.560.305 đồng.
- Tiền lãi trong hạn 1.1%/ tháng: 324.941 đồng.
- Phí thẩm định tài sản: 1.033.903 đồng.
- Lãi vi phạm chuyển nợ quá hạn: 6.716.587 đồng.

Kể từ ngày 01/10/2024, buộc bà H còn phải tiếp tục chịu lãi phát sinh của

khoản nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại Hợp đồng cầm cố đã ký đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên Công ty S1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn lại 591.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

- Buộc bà H phải chịu 881.787 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[7] Về quyền kháng cáo và thời hạn kháng cáo:

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Căn cứ các Điều 309, 310, 311, 312, 313, 314, 316, 357, 463, 466, 468, 470, 494, 496, 497 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần S1 Có Ngay về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay có cầm cố tài sản"* và *"Tranh chấp hợp đồng mượn tài sản"* với bà Dương Thị Mỹ H, sinh năm 1994.

2/ Buộc bà Dương Thị Mỹ H có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty Cổ phần S1 Tiền Có Ngay số tiền nợ gốc và lãi, cụ thể như sau:

- Tiền gốc: 9.560.305 đồng.
- Tiền lãi trong hạn: 324.941 đồng.
- Phí thẩm định tài sản: 1.033.903 đồng.
- Lãi vi phạm chuyển nợ quá hạn: 6.716.587 đồng.

Tổng cộng: **17.635.736 đồng** (Mười bảy triệu sáu trăm ba mươi lăm nghìn bảy trăm ba mươi sáu đồng).

3/ Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 01/10/2024), bà Dương Thị Mỹ H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối với khoản tiền nợ gốc theo mức lãi suất Công ty cổ phần S1 Có Ngay và bà H thỏa thuận trong Hợp đồng cầm cố cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

4/ Ngay sau khi bà Dương Thị Mỹ H thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ thì Công Ty Cổ Phần S1 Có Ngay có trách nhiệm trả lại cho bà H Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 021135 do Công an huyện N, tỉnh Ninh Thuận cấp cho bà

Dương Thị Mỹ H ngày 31/7/2019 và thực hiện thủ tục xóa đăng ký tài sản bảo đảm theo quy định của pháp luật.

5/ Đình chỉ yêu cầu của Công ty Cổ phần S1 Có Ngay về việc buộc bà Dương Thị Mỹ H phải giao trả xe mô tô Honda Vision, biển số đăng ký 85F1 – 299.35.

Đương sự có quyền khởi kiện đến Tòa án có thẩm quyền để giải quyết lại yêu cầu này bằng một vụ án khác, theo quy định tại khoản 1 Điều 218 Bộ luật Tố tụng dân sự.

6/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

- H1 lại cho Công Ty Cổ Phần S1 Có Ngay số tiền **591.000 đồng** (Năm trăm chín mươi mốt nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận, theo Biên lai thu tạm ứng án phí Tòa án số **0001447** ngày 07 tháng 3 năm 2024.

- Buộc bà Dương Thị Mỹ H phải chịu **881.787 đồng** (T trăm tám mươi mốt nghìn bảy trăm tam mươi bảy đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

7/ Về quyền kháng cáo và thời hạn kháng cáo:

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo đối với bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND huyện Ninh Sơn;
- Chi cục THADS huyện Ninh Sơn;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Thái Thị Thùy Dung